TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH MINH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13.01.2023
V/v "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Sương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sơn Mứt

Bà Phan Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng T1, sinh năm 1992;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 12, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long;

Hiện nay đang tạm trú: Ấp D, xã Đ, huyện E, tỉnh Vĩnh Long - Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T2, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/08/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 trình bày: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 và

anh Trương Văn T2 hai người đám cưới vào năm 2009, hôn nhân là do mai mối, được cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức đám cưới hỏi, sau đó cả hai có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 25/7/2012. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, theo chị Nguyễn Thị Mộng T1 trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau, xảy ra nhiều mâu thuẫn, tánh tình không phù hợp, anh Trương Văn T2 không quan tâm lo lắng, chăm sóc vợ và con, không chí thú làm ăn, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và đã chính thức ly thân sau cùng từ tháng 4/2022 đến nay không trở về đoàn tụ được lần nào. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T2.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 trình bày, trong thời gian sống chung, vợ chồng có 02 con chung tên:

1. Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 – Hiện nay cháu Thành Đ đang do anh T2 nuôi dưỡng;

2. Trương Thị Ngọc H, sinh ngày: 30/05/2012 - Hiện nay cháu Ngọc H đang do chị T1 nuôi dưỡng.

Vợ chồng không có con riêng hay con nuôi gì khác.

+ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu xin được ly hôn với anh Trương Văn T2; về con chung có 02 con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày: 30/05/2012. Nay chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày: 30/05/2012 và chị Nguyễn Thị Mộng T1 đồng ý giao con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 cho anh Trương Văn T2 được tiếp tục nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu Đ đang do anh T2 nuôi dưỡng, chị Mộng T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trương Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu xin được ly hôn với anh

Trương Văn T2; về con chung: có 02 con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày: 30/05/2012. Nay chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày: 30/05/2012 và chị Nguyễn Thị Mộng T1 đồng ý giao con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 cho anh Trương Văn T2 được tiếp tục nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu Đ đang do anh T2 nuôi dưỡng, chị Mộng T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn anh Trương Văn T2 có nơi cư trú tại ấp A, xã C, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long do đó Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 12/12/2022, Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh mở phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất, anh Trương Văn T2 đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử nhưng anh T2 vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T2 đã được tống đạt hợp lệ: Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập xét xử nhưng anh Trương Văn T2 vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do bị đơn anh Trương Văn T2 đã được Tòa án triệp tập xét xử hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mộng T1 đã có đơn đề ngày 16/11/2022 xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử Quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Trương Văn T2 theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Mộng T1 và chị Trương Văn T2 hôn nhân của hai người do mai mối, được sự đồng ý của cha, mẹ hai bên, có tổ chức đám cưới, sau đó cả hai có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày

25/7/2012. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Mộng T1 có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn T2. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Nguyễn Thị Mộng T1 cho rằng hôn nhân giữa chị Mộng T1 và anh T2 trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, tánh tình không phù hợp, anh T2 không quan tâm lo lắng, chăm sóc cho chị Mộng T1 và các con. Từ đó mà tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và đã chính thức ly thân nhau từ tháng 4/2022 đến nay không trở về đoàn tụ được lần nào. Quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Văn T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T2 không đến Tòa án để trình bày cũng như không có bản khai gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vậy anh Trương Văn T2 phải chịu hậu quả bất lợi theo quy định tại khoảng 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Nên việc chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trương Văn T2 là có cơ sở xem xét. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng T1 là có căn cứ.

Cho chị Nguyễn Thị Mộng T1 được ly hôn với anh Trương Văn T2.

[2.2.] Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Trương Văn T2 vợ chồng có 02 con chung tên: Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, hiện nay cháu Trương Thị Ngọc H do chị Mộng T1 đang nuôi dưỡng. Còn cháu Trương Thành Đ đang do anh T2 nuôi dưỡng. Nay chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, và chị Nguyễn Thị Mộng T1 đồng ý giao con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 cho anh T2 nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu Đ đang sống với anh T2, chị Mộng T1 không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012. Xét thấy: Việc chị Nguyễn Thị Mộng T1 yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012 là có cơ sở xem xét. Bởi vì: Hiện nay giữa chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Trương Văn T2 hai người ly thân với nhau thì cháu Ngọc H vẫn sống chung với chị Mộng T1 và đến tại thời điểm này thì chị Mộng T1 cũng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Ngọc H và cũng tại bản khai ngày 02/8/2022 của cháu Ngọc H nguyện vọng của cháu là khi cha và mẹ có ly hôn cháu xin được tiếp tục sống với mẹ là chị Nguyễn Thị Mộng T1. Ngoài ra chị Mộng T1 cũng đồng ý giao con là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 cho anh T2 được tiếp tục nuôi dưỡng và tại bảng khai ngày 02/8/2022 của cháu Thành Đ nguyện vọng của cháu là khi cha và mẹ có ly hôn cháu xin được tiếp tục sống với cha là anh

Trương Văn T2, vì trước giờ cháu Đạt do anh T2 là người trực tiếp nuôi dưỡng. Tránh làm xáo trộn về môi trường sống, tâm sinh lý của các cháu, các điều kiện sinh hoạt và cũng như việc học hành của các cháu Thành Đ và cháu Ngọc H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Văn T2 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T2 không đến Tòa án để trình bày cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mộng T1 về việc nuôi con chung là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012 là có căn cứ. Do vậy, Hội xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mộng T1.

Tiếp tục giao con chung là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, cho chị Nguyễn Thị Mộng T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

Tiếp tục giao con chung là cháu cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010, cho anh Trương Văn T2 được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 không yêu cầu anh Trương Văn T2 cấp dưỡng nuôi con là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Còn phía anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh T2 vẫn vắng mặt, mà cũng không có ý kiến về việc có yêu cầu chị Mộng T1 có cấp dưỡng nuôi con là cháu Trương Thành Đ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Trương Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trương Thị Ngọc H sinh ngày 30/05/2012, mà không ai được cản trở.

[2.3] Xét về tài sản chung: Chị Nguyễn Mộng T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng T2 phải nộp số tiền *300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012853, ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng Thu.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 được ly hôn với anh Trương Văn T2.

- Về con chung:

+ Tiếp tục giao con chung là cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, cho chị Nguyễn Thị Mộng T1 được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Tiếp tục giao con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010, cho anh Trương Văn T2 được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Trương Văn T2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Mộng T1và anh Trương Văn T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 02/6/2010 và cháu Trương Thị Ngọc H, sinh ngày 30/05/2012, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mộng T1 phải nộp số tiền *300.000đ (Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0012853, ngày 12 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định

tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án xử công khai, chị Nguyễn Thị Mộng T1 và anh Trương Văn T2h được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Sương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Khanh **Lương Phi Hùng** **Nguyễn Thị Tuyết Sương**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh: 02;
- Chi cục thi hành án DS thị xã Bình Minh: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã Thuận An, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Sương